

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2020

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

*Hội thẩm nhân dân:* **1/ Bà Nguyễn Thị Mai.**

**2/ Bà Đỗ Thị Thúy Hằng.**

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:***

**Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm – Kiểm sát viên.**

Ngày 25/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020. Giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Anh A - Sinh năm 1977.**

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm 3, thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Tự do.

Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn: Chị B - Sinh năm 1977.**

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm 3, thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Tự do.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh A:**

**Bà Phạm Thị Hương - Luật sư Công ty Luật Hùng Vương.**

Có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2020, các lời khai bổ sung tại Tòa án, anh A - nguyên đơn trình bày:***

- Về tình cảm: Anh và chị B đăng ký kết hôn ngày 24/9/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã do chị B không chịu làm ăn mãi chơi, anh đã góp ý nhiều lần nhưng chị B không tiếp thu dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và không tìm được tiếng nói chung. Ngày 30/4/ 2018 chị B đã bỏ nhà đi và thuê nhà tại xóm 3, thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Tháng 3/2018 chị B đã làm đơn ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh. Sau khi được Tòa án phân tích, hòa giải thì chị B đã rút đơn xin ly hôn. Nhưng từ sau khi rút đơn đến nay cuộc sống vợ chồng vẫn không thể cải thiện được. Mâu thuẫn giữa anh và chị B đã đi đến đỉnh điểm, không thể giải quyết được, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy anh có nguyện vọng xin được ly hôn với chị B để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là E, sinh năm 1998 và D, sinh năm 2001. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên sau khi vợ chồng ly hôn các cháu ở với ai là quyền của các cháu.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống anh đi làm và đã đưa cho chị B tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Đông Anh với số tiền là 70.000.000 đồng, gửi làm 3 lần. Trong số 70 triệu đồng có 10 triệu đồng là của mẹ anh là bà C nhờ chị B gửi hộ.

Anh đề nghị Tòa án yêu cầu chị B phải trả lại cho mẹ anh 10.000.000 đồng, trả cho anh 60.000.000 đồng và 2 chỉ vàng chị B vay của mẹ anh.

- Về nợ chung: Anh chị không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 26/5/2020 anh A đã có đơn xin rút yêu cầu đòi chị B khoản tiền 60.000.000 đồng gửi tiết kiệm. Bà C có đơn xin rút yêu cầu đòi chị B số tiền 10.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999.

***\* Tại bản tự khai ngày 05/5/2020 và các lời khai bổ sung tại Tòa án, chị B – bị đơn trình bày:***

- Về tình cảm: Chị và anh A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/1997 tại UBND xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hàng ngày anh A thường chửi bới, hành hạ buộc chị phải cùng con bỏ nhà ra đi ngày 30/4/2018. Hiện nay chị đang thuê nhà ở

cùng các con tại thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội. Đến nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, anh A thường xuyên chửi bới và hành hạ tinh thần mẹ con chị cũng như gia đình bố mẹ đẻ của chị. Do vậy chị và anh A không thể chung sống tiếp tục được nữa. Nay anh A xin ly hôn chị cũng hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung đúng như anh A đã trình bày. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, cháu lớn đã có gia đình riêng và vẫn đang ở cùng với chị. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hiện hai vợ chồng có một căn nhà chung 2 tầng 1 tum xây năm 2003 trên đất của bố mẹ anh A. Năm 2008 bố mẹ anh A đã cho riêng anh A diện tích 289m<sup>2</sup>. Nay nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia cho chị một phần giá trị xây dựng nhà của căn nhà trên, vì toàn bộ tiền xây dựng nhà là tài sản chung của hai vợ chồng.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với khoản nợ của bà C là mẹ của anh A yêu cầu chị phải trả bà số tiền 10.000.000 đồng và 2 chỉ vàng 9999, chị không biết và không vay nợ gì bà C cả.

- Ngày 11/5/2020 chị B đã xin rút yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà 2 tầng 1 tum xây năm 2003 trên đất của bố mẹ anh A cho năm 2008 có diện tích là 289m<sup>2</sup>. Đối với số tiền 60.000.000 đồng anh A yêu cầu chị phải trả, đây là tiền riêng của chị và chị đã rút để đầu tư làm ăn hiện nay số tiền đó không còn nữa. Đối với yêu cầu chị phải trả nợ 10.000.000 đồng và 2 chỉ vàng của bà C thì chị không vay mượn gì của bà C, nếu bà C yêu cầu thì bà C phải xuất trình chứng cứ.

- Do công việc bận nên chị B không có thời gian đến Tòa án, chị xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án.

### **Tại phiên tòa:**

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh A trình bày nội dung yêu cầu của anh A: Anh A vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị B vì anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, chị B đã bỏ nhà ra ở riêng từ cuối tháng 4/2018 và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng anh A và chị B có 02 con chung là E, sinh ngày 03/9/1998 và D, sinh ngày 02/4/2001. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có sức khỏe tốt, nên anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh A xin rút yêu cầu đối với số tiền 60.000.000 đồng gửi tiết kiệm.

Bà C là mẹ của anh A xin rút yêu cầu đối với số tiền 10.000.000 đồng gửi tiết kiệm và 02 chỉ vàng 9999.

Tại phiên tòa hôm nay anh A chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B. Ngoài ra anh A không có ý kiến gì khác.

+ Anh A thống nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh và không có ý kiến gì bổ sung.

+ Chị B đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh A phát biểu ý kiến tranh luận: Anh A và chị B kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị B mãi chơi, không chăm lo cho gia đình. Bản thân anh A và gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A với chị B.

Về tài sản chung: Anh A và bà C đã có đơn xin rút yêu cầu, việc rút yêu cầu của anh A và bà C là hoàn toàn tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến :

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật. Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy anh A và chị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Anh A và chị B hiện đã sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Mâu thuẫn do vợ chồng không phù hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, cách sống. Đến nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, anh A xin ly hôn chị B cũng đồng ý. Do vậy nên yêu cầu xin ly hôn của anh A là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A.

Anh A, chị B có 02 con chung là E, sinh ngày 03/9/1998 và D, sinh ngày 02/4/2001. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A, chị B đều không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Việc anh A có đơn xin rút yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 60.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của anh A.

Bà C đã có đơn xin rút yêu cầu về việc yêu cầu chị B trả lại số tiền 10.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999. Nên không xét.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử Xử: - Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A đối với chị B.

- Đình chỉ đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của anh A.
- Về con chung : Các con chung của anh chị đều đã thành niên, các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Anh A, chị B không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.
- Về án phí : Áp dụng án phí không có giá ngạch.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

##### **[1] Về quan hệ pháp luật:**

Anh A và chị NgB kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 16/10/1997. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh A có đơn xin ly hôn với chị B, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

##### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về tình cảm: Sau khi kết hôn anh A và chị B chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách vợ chồng không phù hợp nhau, hay bất đồng trong quan điểm, cách sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Tháng 3/2018 chị B đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn với anh A, sau khi được phân tích, giải thích pháp luật, hòa giải và chị B đã rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn căng thẳng, anh chị không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn, vợ chồng vẫn sống ly thân từ đầu tháng 4/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh A và chị B là có thực, anh chị không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh A xin ly hôn, chị B cũng đồng ý, vì vậy việc anh A xin ly hôn với chị B là hoàn toàn có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh A, chị B có 02 con chung là E, sinh ngày 03/9/1998 và D, sinh ngày 02/4/2001. Hiện nay cả hai con chung của anh chị đều đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh A, chị B đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đơn khởi kiện anh A có yêu cầu chị B phải thanh toán cho anh số tiền 60.000.000 đồng và trả cho mẹ anh 10.000.000 đồng tiền gửi 03 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Đông Anh.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/02/2020 bà C có lời khai yêu cầu chị B phải thanh toán cho bà số tiền 10.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999. Bà C không có đơn yêu cầu độc lập và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Ngày 26/5/2020 anh A và bà C đã có đơn xin rút những yêu cầu trên đối với chị B.

Ngày 05/5/2020 chị B có lời khai yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là giá trị xây dựng ngôi nhà 2 tầng 1 tum xây trên đất bố mẹ anh A cho anh A. Ngày 11/5/2020 chị B có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Xét thấy việc rút đơn của anh A, chị B, bà C là hoàn toàn tự nguyện, không trái với qui định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh A.

Anh A được ly hôn chị B.

**2.** Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh A.

**3. Về con chung:** Xác nhận anh A và chị B có 02 con chung là E, sinh ngày 03/9/1998 và D, sinh ngày 02/4/2001. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét.

**4. Về tài sản chung, nợ chung:** Anh A, chị B đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

**5. Về án phí:** Anh A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2018/0015405 ngày 21/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh A được nhận lại 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng). Xác nhận anh A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**6. Anh A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Chị B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Xuân Nộn, H.Đông Anh;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phạm Thị Thu Huyền**